



BẢN TIN PHÁP LUẬT

SỐ 01/2024

Địa chỉ: Tầng 6, LPBank Tower 17 Tông Đản, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
www.lpbi.com.vn | Hotline: 1900 1898

LPBank 
INSURANCE

NỘI DUNG CHÍNH

01

Điểm tin pháp luật

02

Cập nhật pháp lý

03

Danh mục văn bản
Lịch pháp lý 2024

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ:

Phòng Pháp chế - KSTT/Ban KSNB

Email: p.phapche@LPBI.com.vn

ĐIỂM TIN VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Một số chính sách mới tháng 01/2024

1. Quy định mới về giấy tờ nhân thân khi đi máy bay từ ngày 15/02/2024

Ngày 29/12/2023, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành **Thông tư 42/2023/TT-BGTVT** sửa đổi, bổ sung một số điều của **Thông tư 13/2019/TT-BGTVT** và **Thông tư 41/2020/TT-BGTVT** sửa đổi, bổ sung một số điều của **Thông tư 13/2019/TT-BGTVT** quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

Cụ thể, **Thông tư 42/2023/TT-BGTVT** sửa đổi Phụ lục XIV ban hành kèm theo **Thông tư 13/2019/TT-BGTVT** thông tin cá nhân khi đi máy bay; giấy tờ về nhân thân, vé, thẻ lên máy bay như sau:

(1) Hành khách khi làm thủ tục đi tàu bay trên các chuyến bay quốc tế phải xuất trình một trong các loại giấy tờ sau:

Hộ chiếu hoặc giấy thông hành hoặc giấy tờ khác có giá trị xuất, nhập cảnh theo quy định của pháp luật như thị thực rời, thẻ thường trú, thẻ tạm trú, thẻ căn cước công dân (nếu Việt Nam và quốc gia liên quan ký kết điều ước **hoặc** thỏa thuận quốc tế cho phép công dân nước ký kết được sử dụng thẻ căn cước công dân thay cho việc sử dụng hộ chiếu trên lãnh thổ của nhau)... **(sau đây gọi chung là giấy tờ có giá trị xuất, nhập cảnh theo quy định).**

Trường hợp trẻ em không có hộ chiếu riêng thì họ tên, ngày, tháng, năm sinh và ảnh của trẻ em được ghi và dán vào hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật, bao gồm: cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi hoặc người giám hộ.

ĐIỂM TIN VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Một số chính sách mới tháng 01/2024

1. Quy định mới về giấy tờ nhân thân khi đi máy bay từ ngày 15/02/2024 (tiếp)

(2) Hành khách từ đủ 14 tuổi trở lên khi làm thủ tục đi tàu bay trên các chuyến bay nội địa phải xuất trình một trong các loại giấy tờ hoặc dữ liệu điện tử có giá trị pháp lý tương đương sau:

- Đối với hành khách mang quốc tịch nước ngoài: Hộ chiếu (có dấu kiểm chứng nhập cảnh gần nhất) hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế (có dấu kiểm chứng nhập cảnh gần nhất) và giấy tờ liên quan cư trú tại Việt Nam (thị thực, thẻ thường trú, thẻ tạm trú, thẻ đi lại doanh nhân APEC) trừ trường hợp được miễn thị thực; chứng minh thư ngoại giao do Bộ Ngoại giao cấp cho thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế; giấy phép lái xe ô tô, mô tô; thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay loại có giá trị sử dụng dài hạn; thẻ nhận dạng của các hãng hàng không Việt Nam; Tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của hành khách.

Trường hợp hành khách mất hộ chiếu phải có công hàm của cơ quan ngoại giao, lãnh sự của quốc gia hành khách mang quốc tịch hoặc công văn của sở ngoại vụ (có xác nhận của cơ quan công an địa phương nơi hành khách mất hộ chiếu) xác nhận nhân thân và việc mất hộ chiếu của hành khách, có dán ảnh, dấu giáp lai. Công hàm, công văn xác nhận có giá trị sử dụng 30 ngày kể từ ngày xác nhận.



ĐIỂM TIN VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Một số chính sách mới tháng 01/2024

1. Quy định mới về giấy tờ nhân thân khi đi máy bay từ ngày 15/02/2024 (tiếp)

- Đối với hành khách mang quốc tịch Việt Nam phải xuất trình một trong các loại giấy tờ sau: Hộ chiếu hoặc giấy thông hành, thị thực rời, thẻ thường trú, thẻ tạm trú, chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân; giấy chứng minh, chứng nhận của công an nhân dân, quân đội nhân dân; thẻ Đại biểu Quốc hội; thẻ Đảng viên; thẻ Nhà báo; giấy phép lái xe ô tô, mô tô; thẻ của Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia; thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay loại có giá trị sử dụng dài hạn; thẻ nhận dạng của các hãng hàng không Việt Nam; Tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của hành khách.

Giấy xác nhận nhân thân do cơ quan công an xác nhận (giấy xác nhận có các thông tin thể hiện các nội dung sau: cơ quan xác nhận, người xác nhận; ngày, tháng, năm xác nhận; họ và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi thường trú của người được xác nhận; lý do xác nhận.

Giấy xác nhận có dán ảnh, đóng dấu giáp lai và chỉ có giá trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày xác nhận); giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền chứng nhận hành khách là người vừa chấp hành xong bản án.

- Hành khách mang quốc tịch Việt Nam từ đủ 14 tuổi đến trên 14 tuổi không quá 20 ngày có thể sử dụng các loại giấy tờ đi tàu bay như đối với hành khách chưa đủ 14 tuổi.



Nhân Dân

ĐIỂM TIN VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Một số chính sách mới tháng 01/2024

1. Quy định mới về giấy tờ nhân thân khi đi máy bay từ ngày 15/02/2024 (tiếp)

(3) Hành khách chưa đủ 14 tuổi khi làm thủ tục đi tàu bay trên các chuyến bay nội địa phải xuất trình một trong các loại giấy tờ sau:

- Giấy khai sinh; trích lục hộ tịch; trích lục giấy khai sinh (trích lục thông tin khai sinh); văn bản xác nhận thông tin hộ tịch; trường hợp dưới 02 tháng tuổi chưa có giấy khai sinh thì phải có giấy chứng sinh; Tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của hành khách; thông tin nhân thân của hành khách trong Tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ đi cùng chuyến bay.

- Giấy xác nhận của tổ chức xã hội đối với trẻ em do tổ chức xã hội đang nuôi dưỡng (chỉ có giá trị sử dụng trong thời gian 06 tháng kể từ ngày xác nhận).

- Giấy xác nhận nhân thân do cơ quan công an xác nhận (giấy xác nhận có các thông tin thể hiện các nội dung sau: cơ quan xác nhận, người xác nhận; ngày, tháng, năm xác nhận; họ và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi thường trú của người được xác nhận; lý do xác nhận. Giấy xác nhận có giá trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày xác nhận).

- Thẻ Căn cước công dân, chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu (hộ chiếu riêng hoặc kèm hộ chiếu của cha mẹ).



ĐIỂM TIN VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Một số chính sách mới tháng 01/2024

2. Mức thu phí sử dụng đường bộ mới áp dụng từ 01/02/2024

Nghị định số 90/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ **có hiệu lực từ ngày 1/2/2024**.

Theo đó, đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ là các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đã đăng ký (có giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe), kiểm định để lưu hành (được cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường), bao gồm: Xe ô tô, xe đầu kéo và các loại xe tương tự (ô tô).

Xe ô tô nêu trên trong một số trường hợp không chịu phí sử dụng đường bộ.



ĐIỂM TIN VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Một số chính sách mới tháng 01/2024

2. Mức thu phí sử dụng đường bộ mới áp dụng từ 01/02/2024

1.1. Mức thu phí (trừ quy định tại điểm 2 và điểm 3 dưới đây)

Số TT	Loại phương tiện chịu phí	Mức thu (nghìn đồng)					
		1 tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng	18 tháng	24 tháng
1	Xe chở người dưới 10 chỗ đăng ký tên cá nhân, hộ kinh doanh	130	390	780	1.560	2.280	3.000
2	Xe chở người dưới 10 chỗ (trừ xe quy định tại điểm 1 nêu trên); xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ dưới 4.000 kg; các loại xe buýt vận tải hành khách công cộng (bao gồm cả xe đưa đón học sinh, sinh viên, công nhân được hưởng chính sách trợ giá như xe buýt); xe chở hàng và xe chở người 4 bánh có gắn động cơ	180	540	1.080	2.160	3.150	4.150
3	Xe chở người từ 10 chỗ đến dưới 25 chỗ; xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 4.000 kg đến dưới 8.500 kg	270	810	1.620	3.240	4.730	6.220
4	Xe chở người từ 25 chỗ đến dưới 40 chỗ; xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 8.500 kg đến dưới 13.000 kg	390	1.170	2.340	4.680	6.830	8.990



ĐIỂM TIN VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Một số chính sách mới tháng 01/2024

2. Mức thu phí sử dụng đường bộ mới áp dụng từ 01/02/2024 (tiếp)

1. Mức thu phí (trừ quy định tại điểm 2 và điểm 3 dưới đây)

Số TT	Loại phương tiện chịu phí	Mức thu (nghìn đồng)					
		1 tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng	18 tháng	24 tháng
5	Xe chở người từ 40 chỗ trở lên; xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 13.000 kg đến dưới 19.000 kg; xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo đến dưới 19.000 kg	590	1.770	3.540	7.080	10.340	13.590
6	Xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 19.000 kg đến dưới 27.000 kg; xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo từ 19.000 kg đến dưới 27.000 kg	720	2.160	4.320	8.640	12.610	16.590
7	Xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 27.000 kg trở lên; xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo từ 27.000 kg đến dưới 40.000 kg	1.040	3.120	6.240	12.480	18.220	23.960
8	Xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo từ 40.000 kg trở lên	1.430	4.290	8.580	17.160	25.050	32.950

2. Mức thu phí đối với xe của lực lượng quốc phòng

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (nghìn đồng/năm)
1	Xe ô tô con quân sự	1.000
2	Xe ô tô vận tải quân sự	1.500

3. Mức thu phí đối với xe của lực lượng công an

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (nghìn đồng/năm)
1	Xe dưới 7 chỗ ngồi	1.000
2	Xe ô tô từ 7 chỗ ngồi trở lên, xe khách, xe vận tải, xe ô tô chuyên dùng	1.500

Ghi chú:

- Mức thu của 01 tháng năm thứ 2 (từ tháng thứ 13 đến tháng thứ 24 tính từ khi đăng kiểm và nộp phí) bằng 92% mức phí của 01 tháng trong Biểu nêu trên.
- Mức thu của 01 tháng năm thứ 3 (từ tháng thứ 25 đến tháng thứ 36 tính từ khi đăng kiểm và nộp phí) bằng 85% mức phí của 01 tháng trong Biểu nêu trên.
- Thời gian tính phí theo Biểu nêu trên tính từ khi đăng kiểm xe, không bao gồm thời gian của chu kỳ đăng kiểm trước. Trường hợp chủ phương tiện chưa nộp phí của chu kỳ trước thì phải nộp bổ sung tiền phí của chu kỳ trước, số tiền phải nộp = Mức thu 01 tháng x Số tháng phải nộp của chu kỳ trước.
- Khối lượng toàn bộ là: Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông ghi trên giấy chứng nhận kiểm định của phương tiện.

CẬP NHẬT PHÁP LÝ

Một số điểm mới Nghị định 67/2023/NĐ-CP (tiếp theo BTPL số 12/2023)

1. Bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng

1.1 Cơ sở pháp lý:

Nghị định 67/2023/NĐ-CP của Chính phủ được ban hành và **có hiệu lực kể từ ngày 06/09/2023** quy định tại Chương IV (từ Điều 32 đến Điều 53).

Theo đó, kể từ ngày 06/09/2023, các nội dung quy định về bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng được quy định tại các văn bản pháp luật sau **hết hiệu lực áp dụng** gồm:

- Nghị định số 20/2022/NĐ-CP ngày 10/03/2022.
- Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015.
- Thông tư số 50/2022/TT-BTC ngày 11/08/2022.

1.2 Trách nhiệm mua bảo hiểm:

Theo Điều 38 **Nghị định 67/2023/NĐ-CP** trách nhiệm mua bảo hiểm là **Chủ đầu tư** – trước đây là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu (trong trường hợp phí bảo hiểm công trình đã được tính vào giá hợp đồng).



CẬP NHẬT PHÁP LÝ

Một số điểm mới Nghị định 67/2023/NĐ-CP (tiếp theo BTPL số 12/2023)

1. Bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng (tiếp)

1.3 Sửa đổi, bổ sung một số trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

- Tại Điểm d, đ Khoản 2 Điều 34 **Nghị định 67/2023/NĐ-CP** bổ sung thêm 02 trường hợp về loại trừ trách nhiệm bảo hiểm:

“d) Tổn thất hoặc thiệt hại của bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm có tên trong danh sách cấm vận.”; và

“đ) Tổn thất hoặc thiệt hại có liên quan đến dịch bệnh theo công bố của cơ quan có thẩm quyền

- Tại Điểm k Khoản 2 Điều 34 **Nghị định 67/2023/NĐ-CP** quy định: “k) Tổn thất phát sinh do lỗi thiết kế của nhà thầu tư vấn đầu tư xây dựng đối với công trình xây dựng từ cấp II trở lên.”



CẬP NHẬT PHÁP LÝ

Một số điểm mới Nghị định 67/2023/NĐ-CP (tiếp theo BTPL số 12/2023)

1. Bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng (tiếp)

1.4 Thỏa thuận về mức phí bảo hiểm

Tại Điểm c, đ Khoản 1 Điều 37 **Nghị định 67/2023/NĐ-CP** cho phép doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm **thỏa thuận về mức phí bảo hiểm** đối với công trình xây dựng có giá trị từ 1000 tỷ đồng trở lên với điều kiện theo quy định. Trong mọi trường hợp, mức phí bảo hiểm không được thấp hơn mức phí bảo hiểm tương ứng với 1.000 tỷ đồng nhân (x) 75% tỷ lệ phí bảo hiểm quy định.

Như vậy, Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm có thể thỏa thuận mức phí và mức khấu trừ ngoài tỷ lệ cố định của Nghị định 67/2023/NĐ-CP với các điều kiện theo quy định.



CẬP NHẬT PHÁP LÝ

Một số điểm mới Nghị định 67/2023/NĐ-CP (tiếp theo BTPL số 12/2023)

1. Bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng (tiếp)

1.5 Mức phí bảo hiểm trong hoạt động đầu tư xây dựng:

Điều 37 **Nghị định 67/2023/NĐ-CP** quy định chi tiết mức phí và mức khấu trừ bảo hiểm. Cụ thể: điểm d Khoản 1 Điều 37 quy định: *Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm **có thể thỏa thuận** quy tắc, điều khoản, mức phí bảo hiểm và mức khấu trừ bảo hiểm trên cơ sở bằng chứng chứng minh doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm nước ngoài đứng đầu nhận tái bảo hiểm xác nhận nhận tái bảo hiểm theo đúng quy tắc, điều khoản, mức phí bảo hiểm và mức khấu trừ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp cho bên mua bảo hiểm. Doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm nước ngoài đứng đầu **nhận tái bảo hiểm** và doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm nước ngoài nhận **tái bảo hiểm từ 10% tổng mức trách nhiệm của mỗi hợp đồng tái bảo hiểm phải đáp ứng quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định này.***



Lưu ý: Điểm c Khoản 1 Điều 37 **Nghị định 67/2023/NĐ-CP** quy định: “...Trong mọi trường hợp, mức phí bảo hiểm không được thấp hơn mức phí bảo hiểm tương ứng với 1.000 tỷ đồng nhân (x) 75% tỷ lệ phí bảo hiểm quy định tại khoản 1 Mục I Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này (đối với công trình quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) hoặc khoản 1 Mục II Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này (đối với công trình quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).”

CẬP NHẬT PHÁP LÝ

Một số điểm mới Nghị định 67/2023/NĐ-CP (tiếp theo BTPL số 12/2023)

2. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự (TNDS) đối với Bên thứ ba – trong đầu tư xây dựng

Tại Điểm a, Khoản 1 Điều 58 **Nghị định 67/2023/NĐ-CP** bổ sung quy định: “*Mức khấu trừ bảo hiểm đối với thiệt hại về tài sản và chi phí pháp lý có liên quan (nếu có) bằng 5% giới hạn trách nhiệm bảo hiểm đối với thiệt hại về tài sản và chi phí pháp lý có liên quan (nếu có), hoặc 20 triệu đồng, tùy theo số nào lớn hơn. Căn cứ vào mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm được điều chỉnh tăng hoặc giảm phí bảo hiểm tối đa 25% tính trên phí bảo hiểm.*”

Đây là điểm mới và quy định rõ ràng làm cơ sở cho các Doanh nghiệp bảo hiểm, Người mua bảo hiểm, Người thụ hưởng bảo hiểm hiểu rõ phạm vi quyền lợi bảo hiểm.



**BẢO HIỂM BẮT BUỘC TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ ĐỐI VỚI
BÊN THỨ BA TRONG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

CẬP NHẬT PHÁP LÝ

Một số điểm mới Nghị định 67/2023/NĐ-CP (tiếp theo BTPL số 12/2023)

3. Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn – trong đầu tư xây dựng

Điều 42 **Nghị định 67/2023/NĐ-CP** không quy định số tiền tối thiểu, mà quy định thành “**giới hạn trách nhiệm bảo hiểm**” – Theo tinh thần này, trách nhiệm bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm chỉ ngang bằng giá trị hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng, hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng, không phụ thuộc vào số tiền bảo hiểm.

Điều 45 **Nghị định 67/2023/NĐ-CP** quy định chi tiết mức phí bảo hiểm và mức khấu trừ bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng.



DANH MỤC VĂN BẢN - LỊCH PHÁP LÝ 2024

Một số sự kiện lưu ý trong Quý I/2024

● BÁO CÁO HẰNG THÁNG ● BÁO CÁO HẰNG QUÝ ● BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TRONG NĂM

THÁNG 1

Thông báo tình hình biến động lao động tháng 12/2023 ⁽⁰¹⁾

T2 T3 T4 T5 T6 T7 CN

Tết dương lịch → 1

- Báo cáo tổng hợp tình hình tai nạn lao động năm 2023 ⁽⁰³⁾

- Báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động năm 2023 ⁽⁰⁴⁾

- Báo cáo y tế lao động năm 2023 ⁽⁰⁵⁾

8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30	31				

- Báo cáo tình hình tham gia bảo hiểm thất nghiệp năm 2023 ⁽⁰⁶⁾⁽⁰⁷⁾

- Công bố tình hình tai nạn lao động xảy ra tại cơ sở năm 2023 ⁽⁰⁷⁾⁽⁰⁸⁾

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023 (đối với Chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ) ⁽⁰⁷⁾⁽⁰⁹⁾

Báo cáo tình hình sử dụng người lao động nước ngoài năm 2023 ⁽⁰²⁾

Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023 (đối với Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp) ⁽⁰⁹⁾

- Tờ khai thuế GTGT tháng 12/2023 ⁽¹⁰⁾

- Tờ khai thuế TNCN tháng 12/2023 ⁽¹⁰⁾

- Nộp lệ phí môn bài năm 2024 ⁽¹¹⁾

- Nộp thuế TNDN tạm tính Quý IV/2023 ⁽¹²⁾

- Tờ khai thuế GTGT Quý IV/2023 ⁽¹⁰⁾

- Tờ khai thuế TNCN Quý IV/2023 ⁽¹⁰⁾

- Trích nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN và kinh phí Công đoàn tháng 01/2024 ⁽¹³⁾⁽¹⁴⁾⁽¹⁵⁾

Căn cứ:

- (01) Khoản 2 Điều 16 Thông tư 28/2015/TT-BLĐTBXH
- (02) Khoản 1 Điều 6 Nghị định 152/2020/NĐ-CP
- (03) Khoản 1 Điều 24 Nghị định 39/2016/NĐ-CP
- (04) Khoản 2 Điều 10 Thông tư 07/2016/TT-BLĐTBXH
- (05) Điều 10 Thông tư 19/2016/TT-BYT
- (06) Khoản 7 Điều 32 Nghị định 28/2015/NĐ-CP
- (07) Khoản 5 Điều 148 Bộ luật Dân sự 2015
- (08) Điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư 13/2020/TT-BLĐTBXH
- (09) Khoản 2 Điều 66 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT được đính chính tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định 3323/QĐ-BTNMT năm 2022
- (10) Khoản 1 Điều 44 Luật Quản lý thuế 2019
- (11) Khoản 1 Điều 10 Nghị định 126/2020/NĐ-CP
- (12) Khoản 1 Điều 55 Luật Quản lý thuế 2019
- (13) Điều 7, Điều 16, Điều 19 Quyết định 595/QĐ-BHXH
- (14) Khoản 5 Điều 2 Quyết định 490/QĐ-BHXH
- (15) Điều 5, khoản 2 Điều 6 Nghị định 191/2013/NĐ-CP

*** Nếu ngày cuối cùng của thời hạn là ngày nghỉ theo quy định thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó ⁽⁰⁷⁾

DANH MỤC VĂN BẢN - LỊCH PHÁP LÝ 2024

Một số sự kiện lưu ý trong Quý I/2024

● BÁO CÁO HÀNG THÁNG ● BÁO CÁO HÀNG QUÝ ● BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TRONG NĂM

THÁNG 2

Tết âm lịch

T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29			

Thông báo tình hình biến động lao động tháng 01/2024 ⁽⁰¹⁾

Báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động hóa chất năm 2023 ⁽⁰⁷⁾⁽¹⁶⁾

Trích nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN và kinh phí Công đoàn tháng 2/2024 ⁽¹³⁾⁽¹⁴⁾⁽¹⁵⁾

- Tờ khai thuế GTGT tháng 01/2024 ⁽¹⁰⁾

- Tờ khai thuế TNCN tháng 01/2024 ⁽¹⁰⁾

Căn cứ:

- (01) Khoản 2 Điều 16 Thông tư 28/2015/TT-BLĐTBXH
- (07) Khoản 5 Điều 148 Bộ luật Dân sự 2015
- (10) Khoản 1 Điều 44 Luật Quản lý thuế 2019
- (13) Điều 7, Điều 16, Điều 19 Quyết định 595/QĐ-BHXH
- (14) Khoản 5 Điều 2 Quyết định 490/QĐ-BHXH
- (15) Điều 5, khoản 2 Điều 6 Nghị định 191/2013/NĐ-CP
- (16) Khoản 1 Điều 9 Thông tư 32/2017/TT-BCT sửa đổi tại Khoản 6 Điều 1 Thông tư 17/2022/TT-BCT

*** Nếu ngày cuối cùng của thời hạn là ngày nghỉ theo quy định thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó ⁽⁰⁷⁾

DANH MỤC VĂN BẢN - LỊCH PHÁP LÝ 2024

Một số sự kiện lưu ý trong Quý I/2024

● BÁO CÁO HẰNG THÁNG ● BÁO CÁO HẰNG QUÝ ● BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TRONG NĂM

THÁNG 3

T2 T3 T4 T5 T6 T7 CN

				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

Thông báo tình hình
biến động lao động
tháng 02/2024 ⁽⁰¹⁾

- Tờ khai thuế GTGT tháng 2/2024 ⁽¹⁰⁾
- Tờ khai thuế TNCN tháng 2/2024 ⁽¹⁰⁾



Căn cứ:

- (01) Khoản 2 Điều 16 Thông tư 28/2015/TT-BLĐTBXH
- (10) Khoản 1 Điều 44 Luật Quản lý thuế 2019

DANH MỤC VĂN BẢN - LỊCH PHÁP LÝ 2024

Sử dụng tại Bản tin pháp luật số 01/2024

1. Luật số: 08/2022/QH15: Luật Kinh doanh bảo hiểm.
2. Nghị định số 67/2023/NĐ-CP: Quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng.
3. Nghị định số 20/2022/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng (hết hiệu lực từ ngày 06/9/2023).
4. Nghị định số 119/2015/NĐ-CP: Quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng (hết hiệu lực từ ngày 06/9/2023).
5. Thông tư số 50/2022/TT-BTC: Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng và Nghị định số 20/2022/NĐ-CP ngày 10/03/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng (hết hiệu lực từ ngày 06/9/2023).